

Bản án số: 184/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2026
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị P**, sinh ngày 01/01/1976

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 01/01/1975

Cùng địa chỉ: **ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.**

- *Người làm chứng:* Bà **Thái Thị Thu L**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 1993, bà có quen biết với ông **Nguyễn Thành T**, qua thời gia tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới, vợ chồng bà cùng nhau chung sống với gia đình bên bà. Hai vợ chồng bà có đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp** ngày 15/03/2010. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2023, thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chuyện tình cảm, tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, ông **T** không có gửi tiền về lo cho gia đình, ông **T** thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà, đe dọa hành hung bà, vợ chồng không có tiếng nói

chung, sống chung không hợp, không còn hạnh phúc, bà và ông Nguyễn Thành T ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, bà và ông T ít khi liên lạc với nhau, mỗi khi ông T về là vô cớ kiếm chuyện để đánh bà. Bà nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Hai vợ chồng sống chung với nhau có 04 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/01/1994, Nguyễn Thành T2, sinh ngày 01/01/1996, Nguyễn Thành T3, sinh ngày 01/01/2003 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 09/02/2006, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân và con chung thì đúng như bà P trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì không có đúng, hiện nay hai vợ chồng vẫn sống chung với nhau hạnh phúc bình thường, ông thừa nhận là có la rầy, chửi bới vợ nhưng do vợ đam me chơi lô tô và có tình cảm với người khác nên mới yêu cầu ly hôn với ông, hiện nay hai vợ chồng không có ly thân mà do công việc của ông là đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà có khi hai ba tháng mới về một lần, lúc trước thì có gửi tiền về cho vợ nhưng thời gian gần đây thấy vợ không lo làm ăn nên không có gửi tiền về. Nay tình cảm giữa hai vợ chồng vẫn còn, ông muốn hàn gắn tình cảm vì còn thương vợ nên ông không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà P. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P; Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Thành T. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Thành T có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp ngày 15/03/2010. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp. Nay bà P khởi kiện cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2023 thì hai vợ chồng bà P và ông T phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, do ông T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà P, đe dọa hành hung bà P, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không hợp, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà P và ông T đã ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Việc này đã được bà Thái Thị Thu L xác nhận rằng: Bà L biết vợ chồng ông T và bà P có mâu thuẫn trầm trọng, việc ông T cho rằng bà P có tình cảm với người khác là không có mà do ông T ghen tuông nên nói vậy, bà nghe nhiều người ở xóm kể và biết ông T thường xuyên chửi bới, cãi vã với bà P, còn đánh, đá bà P nhiều lần.

Mặc dù, ông T còn thương bà P, ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông T không cung cấp cho Tòa án được chứng cứ chứng minh là bà P có quan hệ tình cảm với người khác. Nhưng ông T lại thừa nhận là có đánh đập, chửi bới và không có gửi tiền về cho bà P. Việc ông T đánh bà P là đã có hành vi bạo lực gia đình theo quy định khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tại phiên tòa, cả bà P và ông T đều thừa nhận không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị P cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/01/1994, Nguyễn Thành T4, sinh ngày 01/01/1996, Nguyễn Thành T3, sinh ngày 01/01/2003 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 09/02/2006, hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải chịu tiền án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị P** với ông **Nguyễn Thành T**.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10263 ngày 17/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Trang Nguyễn Tuấn L2

Nguyễn Phương T5

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- UBND xã Thường Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Trang

Trần Duy Hồ Nguyễn Phương Thảo